CÔNG TY CỔ PHẦN **PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24 /TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015*

TỜ TRÌNH

(V/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B - Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thanh Hóa)

***Kính gửi*: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2015**

Căn cứ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ ban hành về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 12/2009/NĐ-CP;
- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/2/2009 của Chính phủ và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Văn bản số 3482/BXD-HĐXD ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 11/4/2014;
- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 10/4/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển về việc thuê đất và lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới phục vụ công tác di dời và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty làm các thủ tục và quyết định việc thuê đất.
- Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Khu B - Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thanh Hóa ngày 03/3/2015.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển sau khi xem xét Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án "Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B - Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thanh Hóa thấy rằng: Dự án có hiệu quả và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật để phê duyệt. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2015 xem xét:

1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B - Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thanh Hóa với các nội dung chính sau:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

1.3. Tổ chức tư vấn lập Dự án: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất.

1.4. Chủ nhiệm Dự án: Ông Nguyễn Ngọc Giang.

1.5. Tổ chức tư vấn khảo sát: Công ty cổ phầnTư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ

1.6. Mục tiêu đầu tư: Phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp di dời nhà máy cũ.

1.7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a. Quy mô xây dựng:

Nhà máy được xây dựng trên khu đất có diện tích 227.020 m2 bao gồm các Lô đất CN16, CN18 và một phần CN15 thuộc khu B- khu Công nghiệp Bỉm Sơn Thanh Hóa gồm 3 giai đoạn đầu tư:

- Giai đoạn 1: Xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm;

- Giai đoạn 2: Xây dựng nhà máy sản xuất NPK công suất 200.000 tấn/năm;

- Giai đoạn 3: Mở rộng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy nâng công suất lên 500.000 tấn/năm.

b. Các hạng mục công trình xây dựng chủ yếu gồm:

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m2)	TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m2)
1	Nhà đập thô	250	27	Trạm cân 150T - Trục cân	169
2	Nhà cầu băng tải số 1	157,08	28	Nhà bảo vệ	2x14,85 & 14,85
3	Cụm sàng rửa	80	29	Gara ôtô, xe đạp, xe máy	1152
4	Nhà cầu băng tải số 2	308,4	30	Cổng chính	Rộng 8m
5	Bunke chứa liệu, HT cân định lượng	270 + 513 & 486	31	Cổng phụ	Rộng 6m
6	Nhà lò cao	132,25	32	Bãi chứa nguyên liệu	20490
7	Bể tôi & kho chứa bán thành phẩm	2x1080& 1080	33	Bãi chứa quặng mịn khô	4670
8	Nhà sấy nghiền	2052 & 1080	34	Kho nguyên liệu sản xuất NPK	4320
9	Trạm bơm nước thô	25	35	Xưởng sản xuất NPK	8280
10	Kho silô và nhà đóng bao sản phẩm	540 & 320	36	Kho sản phẩm NPK	4608
11	Nhà lò nung gió	3x315&2x315	37	Bãi chứa quặng mịn ướt	730
12	Nhà quạt cao áp	54+108 & 108	38	Nhà tắm công nhân	160
13	Bể nước hấp thụ	900 & 452,4	39	Kho vật tư	1242
14	Khu chuẩn bị sữa vôi	80	40	Xưởng sửa chữa ô tô	864
15	Hệ thống bể lắng nước tôi bán thành phẩm	1881,6	41	Kho xăng dầu	360

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m2)	TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m2)
16	Bể nước nóng, tháp giải nhiệt và trạm bơm nước tuần hoàn	535,8&144, 74	42	Bãi đỗ và rửa xe ô tô	765
17	Bể nước rửa quặng	224	43	Bãi chứa quặng bánh	4008
18	Nhà đóng bánh quặng	288 & 288	44	Bãi xuất sản phẩm ra tàu	5250
19	Bãi chứa BTP lân nung chảy	16473	45	Nhà điều hành các phân xưởng	185,76
20	Kho chứa bao lân nung chảy	Đầu tư	46	Trạm xử lý nước cấp	2612,2
21	Nhà cơ khí	1080	47	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt	8,35 x 18,95
22	Trạm biến áp I	180	48	Trạm bơm nước giếng khoan	-
23	Trạm biến áp II	126	49	Hồ đệm	1630
24	Trạm biến áp III	126	50	Đường sắt vào nhà máy	-
25	Nhà hành chính	552	51	Nhà đặt máy phát diezen	2x30
26	Nhà ăn ca	675	52	Tường rào	

c. Công suất nhà máy và mục tiêu chất lượng sản phẩm:

- Sản phẩm phân lân nung chảy: 500.000 tấn/năm.

Khi nhà máy đi vào hoạt động, theo yêu cầu của thị trường có thể sản xuất ra nhiều chủng loại sản phẩm với chất lượng, quy cách khác nhau để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN và tiêu chuẩn cơ sở, đảm bảo hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu ≥ 15%.

Loại sản phẩm dạng bột mịn Dự án chọn để tính toán, có các chỉ tiêu chất lượng cụ thể như sau:

+ Hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu ≥ 15%.

+ Dạng bột: cỡ hạt ≤ 25mm (chiếm trên 80%)

+ Độ ẩm ≤ 1%

- Sản phẩm phân bón NPK: 200.000 tấn/năm.

Gồm nhiều chủng loại sản phẩm, phụ thuộc nhu cầu của thị trường, đạt chất lượng theo tiêu cở sở, đảm bảo tổng hàm lượng dinh dưỡng $N + P_2O_5 + K_2O \geq 18\%$.

Các loại NPK 16-16-8 và 5-10-3 Dự án chọn để tính toán có chỉ tiêu chất lượng cụ thể như sau:

+ Đối với loại NPK 16-16-8:

* Tỷ lệ dinh dưỡng $N + P_2O_5 + K_2O$ tương ứng: 16-16-8

* Cỡ hạt: 2÷4 mm (≥ 85%)

* Độ cứng hạt: ≥ 2 kg/cm^2

* Độ ẩm: ≤ 4%

+ Đối với loại NPK 5-10-3:

* Tỷ lệ dinh dưỡng $N + P_2O_5 + K_2O$ tương ứng: 5-10-3

* Cỡ hạt: 2÷5 mm (≥ 85%)

* Độ cứng hạt: ≥ 2 kg/cm^2

* Độ ẩm: ≤ 5%

1.8. Địa điểm xây dựng: Khu B - Khu công nghiệp Bỉm Sơn - Thanh Hóa.

1.9. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích khu đất: 246.070 m2.

- Trừ diện tích núi đá trong khu đất: 19.050 m2.

- Diện tích đất thuê: 227.020 m2.

1.10. Phương án xây dựng: Theo quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và quy chuẩn Quốc tế liên quan.

1.11. Loại cấp công trình: Cấp II.

1.12. Thiết bị công nghệ:

a. Thiết bị: Hệ thống thiết bị chủ yếu chế tạo tại Việt Nam, trừ một số thiết bị lẻ yêu cầu kỹ thuật cao phải nhập ngoại; tận dụng tối đa các thiết bị của nhà máy cũ có thể sử dụng phù hợp với dây chuyền sản xuất mới.

b. Công nghệ:

- Công nghệ sản xuất Phân lân nung chảy: Phương pháp công nghệ lò cao sử dụng gió nóng dựa trên các bí quyết công nghệ, thiết bị của Công ty đã được Nhà nước bảo hộ độc quyền sáng chế và độc quyền giải pháp hữu ích mà Công ty đang sở hữu; có sự cải tiến nâng cao ở khâu xử lý khí thải: Chuyển việc đốt CO lên trước việc xử lý khí thải so với dây chuyền cũ; nghĩa là khí lò từ Lò cao ra sau khi tách bụi sẽ được dẫn thẳng ra lò đốt CO dùng để sấy nóng không khí lên ≥ 300 độ C trước khi vào Lò Cao, nhiệt thừa của khí nóng được dẫn tiếp sang máy sấy thùng quay để sấy bán thành phẩm (BTP) rồi mới qua hệ thống xử lý khí trước khi thải ra môi trường.

- Công nghệ sản xuất NPK: Sử dụng 1 dây chuyền công nghệ vê viên hơi nước thùng quay và 01 dây chuyền vê viên đĩa quay

1.13. Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 đồng:

TT	Tổng mức đầu tư	Tổng số (đ)
	Tổng mức đầu tư *Trong đó* :	**1.291.619.455.265**
1	Chi phí xây dựng	571.668.251.614
2	Chi phí thiết bị	360.719.178.841
2.1	Tài sản cũ	*4.499.719.059*
2.1	Thiết bị mới	*356.219.459.782*
3	Chi phí thuê đất	83.125.643.200
4	Chi phí quản lý dự án	10.755.089.866
5	Chi phí tư vấn ĐTXD	25.649.176.485
6	Chi phí khác	58.185.507.222
7	Chi phí dự phòng	181.516.608.037

1.14. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Công ty: 30%, tương ứng 370.632.592.850 đồng.

- Vay thương mại: 70%, tương ứng 916.487.143.356 đồng.

1.15. Hình thức quản lý dự án: Công ty thành lập Ban quản lý dự án và thuê tư vấn quản lý dự án thực hiện một số công việc.

1.16. Thời gian thực hiện dự án gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Quý II/2015 đến quý IV/2016 - Xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm;
- Giai đoạn 2 : Quý IV/2016 đến quý III/2017 - Xây dựng nhà máy sản xuất NPK công suất 200.000 tấn/năm;
- Giai đoạn 3: Quý II/2017 đến quý II/2018 - Mở rộng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy nâng công suất lên 500.000 tấn/năm.

1.17. Các nội dung khác: Trên cơ sở kế hoạch thực hiện đầu tư và tiến độ thực hiện của từng giai đoạn, thực hiện đầu tư theo hình thức cuốn chiếu để ổn định sản xuất của nhà máy cũ và mới, nhanh chóng phát huy hiệu quả đầu tư. Trong quá trình thực hiện đầu tư tận dụng tối đa các thiết bị của nhà máy cũ chuyển sang nhà máy mới, xem xét triển khai và tự thực hiện một số hạng mục công việc phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Để việc triển khai dự án được thuận lợi và đảm bảo tiến độ, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện chức năng chủ đầu tư của Dự án.

Tài liệu kèm theo Tờ trình:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: "Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển";
- Hợp đồng thuê đất và Biên bản bàn giao đất;
- Thỏa thuận PCCC của Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn (Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư trong các khu công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa);
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Báo cáo thẩm tra dự án, Báo cáo thẩm tra đường sắt nội bộ;
- Phương án thu xếp vốn cho dự án;
- Thỏa thuận tài trợ vốn cho dự án của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt;
- Văn bản của Bộ giao thông vận tải cho phép đấu nối đường sắt;
- Văn bản chấp thuận của Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn về việc sử dụng chung nhánh đường sắt từ ga Bỉm Sơn đến ga Bỉm Sơn công nghiệp;
- Văn bản chấp thuận của UBND thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa về việc sử dụng nước Hồ cánh chim phục vụ sản xuất;
- Giấy phép khai thác nước mặt;
- Văn bản chấp thuận của Công ty điện lực Thanh Hóa về việc cấp điện cho dự án;

- Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: "Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển".

Nơi gửi :
- Như kính gửi;
- Lưu Thư ký, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN

Lâm Thái Dương